

Số: 10/QĐ-UBND

Sơn Lĩnh, ngày 22 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố, công khai dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của kế toán trưởng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2025 với số liệu cụ thể như sau.

<b>Tổng thu:</b>	<b>7.792.868.000 đồng</b>
1 Các khoản thu xã hưởng 100%	100.000.000 đồng
2 Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	112.000.000 đồng
3 Thu bổ sung ngân sách cấp trên:	7.780.868.000 đồng
<b>Tổng chi:</b>	<b>7.792.868.000 đồng</b>
1 Chi ĐT phát triển	0 đồng
2 Chi hoạt động thường xuyên	7.836.155.000 đồng
3 Dự phòng	156.713.000 đồng

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Văn phòng UBND, Ban tài chính ngân sách xã tổ chức thực hiện Quyết định này./

**Nơi nhận:**

- UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Các đoàn thể xã;
- Thôn trưởng 9 thôn;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Thanh Sang**

*Sơn Lĩnh, ngày 22 tháng 01 năm 2025*

**BIÊN BẢN (số 02)**

**Về việc niêm yết công khai dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2025**

Căn cứ Thông tư số: 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Hôm nay, vào hồi 8h00 ngày 22 tháng 01 năm 2025

Tại: Ủy ban nhân dân xã Sơn Lĩnh, chúng tôi gồm các ông bà có tên sau đây tiến hành lập biên bản niêm yết công khai dự toán trình hội đồng nhân dân xã thu chi ngân sách năm 2025.

- |          |                    |           |                        |
|----------|--------------------|-----------|------------------------|
| 1. Ông : | Phạm Thanh Sang    | Chức vụ:  | Chủ tịch UBND xã       |
| 2. Ông:  | Trần Phi Long      | Chức vụ   | P. Chủ tịch UBND xã    |
| 3. Ông : | Nguyễn Lê Nin      | Chức vụ:  | P. chủ tịch HĐND xã    |
| 4. Ông : | Phan Tiến Dũng     | Chức vụ : | Kế toán - ngân sách xã |
| 5. Bà :  | Đào Thị Thu        | Chức vụ:  | Văn phòng thống kê     |
| 6. Ông : | Trần Văn Hoàn      | Chức vụ : | Thanh tra nhân dân     |
| 7        | Thôn trưởng 7 thôn |           |                        |

Lập biên bản về việc niêm yết công khai dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2025 của UBND xã.

Hình thức niêm yết: Niêm yết tại trụ sở làm việc (phòng một cửa), nhà văn hóa 7 thôn, công thông tin điện tử xã.

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 9h00 ngày 22 tháng 01 năm 2025 sẽ kết thúc việc niêm yết vào hồi 9h00 ngày 22 tháng 02 năm 2025 (30 ngày liên tục). (có hồ sơ dự toán thu chi ngân sách xã năm 2025 kèm theo)

Thực hiện niêm yết công khai dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2025, Ủy ban nhân dân xã niêm yết tại nơi thuận tiện cho mọi người trong cơ quan, đơn vị và nhân dân được biết.

Việc niêm yết này được thực hiện trong thời gian 30 ngày liên tục theo đúng thời gian được quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

Biên bản lập xong hồi 9h30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

**NGƯỜI LẬP**



**Phan Tiến Dũng**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Thanh Sang**

Số: 51 /NQ-HĐND

Sơn Lĩnh, ngày 27 tháng 12 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ SƠN LĨNH  
KHÓA XX KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ luật ngân sách nhà nước sửa đổi ngày 25/6/2015 và các văn bản  
hướng dẫn thực hiện;

Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16/7/2024 của Bộ Tài Chính hướng  
dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, kế hoạch tài chính – ngân  
sách nhà nước 03 năm 2025 - 2027;

Căn cứ Nghị quyết số 94 /NQ-HĐND ngày 18/12/2024 của HĐND huyện  
về việc phê chuẩn phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2025;

Xét tờ trình số: 38/TTr-UBND, ngày 24/12/2024 của UBND xã Sơn Lĩnh  
về việc đề nghị phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2025 kèm theo báo  
cáo dự toán ngân sách năm 2025 và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND xã  
tại kỳ họp đã thống nhất.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của xã Sơn Lĩnh  
với số liệu tổng hợp như sau:

<b>A. Tổng thu trên địa bàn</b>	<b>290.000.000 đồng</b>
1. Ngân sách cấp trên hưởng	78.000.000 đồng
2. Ngân sách xã hưởng:	212.000.000 đồng
<b>B. Thu ngân sách xã</b>	
<b>Tổng thu ngân sách xã đưa vào cân đối:</b>	<b>7.992.868.000 đồng</b>
1. Các khoản thu xã hưởng 100%	100.000.000 đồng
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	112.000.000 đồng
3. Thu bổ sung ngân sách cấp trên:	7.780.868.000 đồng
<b>Tổng chi ngân sách xã:</b>	<b>7.992.868.000 đồng</b>
1. Chi ĐT phát triển	0 đồng
2. Chi hoạt động thường xuyên	7.836.155.000 đồng

Số liệu chi tiết được phản ánh tại Báo cáo dự toán thu, chi ngân sách xã  
năm 2025, ngày 24/12/2024 của UBND xã.





**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 51 /TTr-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của HĐND xã)

Đơn vị tính : Đồng

TT	Nội dung	THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN	THU NGÂN SÁCH XÃ HƯỞNG	GHI CHÚ
	<b>Tổng thu ngân sách</b>	<b>8,070,868,000</b>	<b>7,992,868,000</b>	
<b>I</b>	<b>Các khoản thu tại xã</b>	<b>100,000,000</b>	<b>100,000,000</b>	
1	Phí lệ phí	15,000,000	15,000,000	
2	Thu từ quỹ đất công ích hoa lợi	50,000,000	50,000,000	
3	Thu khác	35,000,000	35,000,000	
<b>II</b>	<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ %</b>	<b>190,000,000</b>	<b>112,000,000</b>	
1	Thuế VAT - TNDN	75,000,000	37,500,000	
	<i>Doanh nghiệp HTX</i>	<i>30,000,000</i>	<i>6,000,000</i>	
	<i>Hộ cá thể</i>	<i>45,000,000</i>	<i>31,500,000</i>	
2	Lệ phí trước bạ nhà đất	80,000,000	64,000,000	
3	Thu cấp quyền sử dụng đất		-	
4	Thu tiền thuê mặt bằng	35,000,000	10,500,000	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		-	
<b>III</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>7,780,868,000</b>	<b>7,780,868,000</b>	
1	Trợ cấp cân đối từ ngân sách cấp trên	7,780,868,000	7,780,868,000	
2	Trợ cấp mục tiêu			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

HỘ ĐỒNG NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

XÃ SON LĨNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của HĐND xã)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Tổng	10% Tiết kiệm	DT thực hiện
	<b>Tổng chi</b>	<b>7,992,868,000</b>	<b>0</b>	<b>7,992,868,000</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản			
2	Đầu tư phát triển khác			
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>7,836,155,000</b>		<b>7,836,155,000</b>
<b>1</b>	<b>Chi an ninh - Quốc phòng</b>	<b>368,192,000</b>	<b>0</b>	<b>368,192,000</b>
<b>1.1</b>	<b>Chi Quốc phòng</b>	<b>308,192,000</b>	<b>0</b>	<b>308,192,000</b>
-	Quốc phòng	55,000,000		55,000,000
-	Dân quân tự vệ (Bao gồm kinh phí huấn luyện, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp đặc thù)	253,192,000		253,192,000
<b>1.2</b>	<b>Chi An ninh</b>	<b>60,000,000</b>	<b>0</b>	<b>60,000,000</b>
-	Chi hoạt động	60,000,000		60,000,000
<b>2</b>	<b>Sự nghiệp VH + Khu dân cư, TDTT</b>	<b>188,000,000</b>	<b>0</b>	<b>188,000,000</b>
-	Khu dân cư theo TT 121	35,000,000		35,000,000
-	Hoạt động truyền thanh	30,000,000		30,000,000
-	Văn hoá thông tin	73,000,000		73,000,000
-	Thể dục thể thao	30,000,000		30,000,000
-	KP toàn dân Xây dựng NTM	20,000,000		20,000,000
<b>3</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>269,570,000</b>	<b>0</b>	<b>269,570,000</b>
-	Sự nghiệp giao thông	50,000,000		50,000,000
-	Sự nghiệp thủy lợi dịch vụ	50,000,000		50,000,000
-	Sự nghiệp khác ( Nông thôn mới)	169,570,000		169,570,000
<b>4</b>	<b>Sự nghiệp môi trường</b>	<b>70,000,000</b>	<b>0</b>	<b>70,000,000</b>
<b>5</b>	<b>Đảm bảo xã hội</b>	<b>191,607,000</b>	<b>0</b>	<b>191,607,000</b>
-	Hưu xã	108,991,000		108,991,000

-	Mừng thọ	15,000,000		15,000,000
-	Phân công người giúp đỡ			0
-	Khác	67,616,000		67,616,000
<b>6</b>	<b>Quản lý nhà nước, Đảng đoàn thể</b>	<b>6,636,838,000</b>	<b>0</b>	<b>6,636,838,000</b>
<b>6.1</b>	<b>Ủy ban nhân dân</b>	<b>4,038,208,100</b>	<b>0</b>	<b>4,038,208,100</b>
-	Tiền lương và các khoản phụ cấp cán bộ UB	1,591,780,000		1,591,780,000
-	Chi nộp BHXH, BHYT, KPCĐ	191,372,000		191,372,000
-	Phụ cấp công nghệ thông tin	2,808,000		2,808,000
-	Phụ cấp kế toán	2,808,000		2,808,000
-	Phụ cấp trực một cửa	25,900,000		25,900,000
-	Phụ cấp tiếp công dân	7,200,000		7,200,000
-	Phụ cấp đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính	7,200,000		7,200,000
-	Chi PC CB KCT xã	109,512,000		109,512,000
-	Phụ cấp thôn trưởng	353,808,000		353,808,000
-	PC các nhóm nhiệm vụ thôn	472,000,000		472,000,000
-	PC cán bộ hợp đồng	38,400,000		38,400,000
-	Tiền lương và các khoản PC của Quân sự	132,818,400		132,818,400
-	Chi nộp BHXH, BHYT, KPCĐ	21,860,000		21,860,000
-	Phụ cấp cán bộ BCT	39,312,000		39,312,000
-	Phụ cấp thôn đối trưởng	98,280,000		98,280,000
-	Chi hoạt động	388,955,700		388,955,700
-	Chi phụ cấp tổ ANTT	294,840,000		294,840,000
-	Chi hoạt động của ban thanh tra nhân dân	5,000,000		5,000,000
-	Chi hoạt động tổ hòa giải cơ sở	18,400,000		18,400,000
-	Chi hoạt động tổ giám sát cộng đồng	10,000,000		10,000,000
-	Phụ cấp kiêm nhiệm thủ quỹ	2,808,000		2,808,000
-	Phụ cấp y tế thôn	58,968,000		58,968,000
-	Quỹ khen thưởng	159,178,000		159,178,000
-	Chi hoạt động ban vì sự tiến bộ của PN	5,000,000		5,000,000
<b>6.2</b>	<b>Hội đồng nhân dân</b>	<b>378,895,800</b>	<b>0</b>	<b>378,895,800</b>
-	Tiền lương và các khoản PC của cán bộ HĐ	126,360,000		126,360,000
-	Chi nộp BHXH, BHYT, KPCĐ	51,175,800		51,175,800

-	Chi phụ cấp đại biểu HĐND	126,360,000		126,360,000
-	Phụ cấp đại biểu HĐND theo NQ 82	24,000,000		24,000,000
-	Chi hoạt động	25,728,000		25,728,000
-	Chi phụ cấp ban HĐND	25,272,000		25,272,000
<b>6.3</b>	<b>Đảng cộng sản Việt Nam</b>	<b>1,074,465,400</b>	<b>0</b>	<b>1,074,465,400</b>
-	Lương cán bộ Đảng ủy và các khoản phụ cấp	290,066,400		290,066,400
-	Chi BHXH, BHYT, KPCĐ	48,143,000		48,143,000
-	Phụ cấp BCH Đảng ủy	109,512,000		109,512,000
-	Chi PC ủy viên UB KT Đảng	28,080,000		28,080,000
-	Phụ cấp Bí thư chi bộ	353,808,000		353,808,000
-	Phụ cấp cán bộ BCT	89,856,000		89,856,000
-	Chi hoạt động	85,000,000		85,000,000
-	Chi đại hội Đảng	70,000,000		70,000,000
<b>6.4</b>	<b>Mặt trận tổ quốc Việt Nam</b>	<b>423,655,600</b>	<b>0</b>	<b>423,655,600</b>
-	Lương cán bộ MT và các khoản phụ cấp	160,056,000		160,056,000
-	Chi BHXH, BHYT, KPCĐ	27,383,600		27,383,600
-	Phụ cấp cán bộ BCT	39,312,000		39,312,000
-	Phụ cấp trưởng BCTMT	176,904,000		176,904,000
-	Chi hoạt động	20,000,000		20,000,000
<b>6.5</b>	<b>Đoàn thanh niên, Hội LHTN, HĐĐ</b>	<b>168,954,200</b>	<b>0</b>	<b>168,954,200</b>
-	Lương cán bộ và các khoản phụ cấp Đoàn	98,560,800		98,560,800
-	Chi BHXH, BHYT, KPCĐ	16,081,400		16,081,400
-	Chi PC CB KCT xã	39,312,000		39,312,000
-	Chi hoạt động	15,000,000		15,000,000
<b>6.6</b>	<b>Hội phụ nữ</b>	<b>160,384,200</b>	<b>0</b>	<b>160,384,200</b>
-	Lương và các khoản PC Hội Phụ nữ	91,540,800		91,540,800
-	Chi BHXH, BHYT, KPCĐ	14,531,400		14,531,400
-	Chi PC CB KCT xã	39,312,000		39,312,000
-	Chi hoạt động	15,000,000		15,000,000
<b>6.7</b>	<b>Hội nông dân</b>	<b>216,791,300</b>	<b>0</b>	<b>216,791,300</b>
-	Lương và các khoản phụ cấp Hội ND	137,872,800		137,872,800
-	Chi BHXH, BHYT, KPCĐ	24,606,500		24,606,500



-	Chi PC CB KCT xã	39,312,000		39,312,000
-	Chi hoạt động	15,000,000		15,000,000
<b>6.8</b>	<b>Hội cựu chiến binh</b>	<b>84,638,400</b>	<b>0</b>	<b>84,638,400</b>
-	Chi lương và các khoản phụ cấp	69,638,400		69,638,400
-	Chi hoạt động	15,000,000		15,000,000
<b>6.9</b>	<b>Hội người cao tuổi</b>	<b>43,745,000</b>	<b>0</b>	<b>43,745,000</b>
-	Chi phụ cấp BCT cho CT hội NCT	35,100,000		35,100,000
-	Chi tổ chức mừng thọ nhân dịp tết ở thôn	3,645,000		3,645,000
-	Chi hoạt động	5,000,000		5,000,000
<b>6.10</b>	<b>Hội chữ thập đỏ + BTXH</b>	<b>39,100,000</b>	<b>0</b>	<b>39,100,000</b>
-	Chi phụ cấp chủ tịch hội CTĐ	35,100,000		35,100,000
-	Chi hoạt động	4,000,000		4,000,000
<b>6.11</b>	<b>Hội khuyến học</b>	<b>5,000,000</b>	<b>0</b>	<b>5,000,000</b>
-	Chi hoạt động	5,000,000		5,000,000
<b>6.12</b>	<b>Chi hỗ trợ Hội Cựu TNXP</b>	<b>3,000,000</b>		<b>3,000,000</b>
<b>7</b>	<b>Chi khác ngân sách</b>	<b>111,948,000</b>		<b>111,948,000</b>
<b>III</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>156,713,000</b>		<b>156,713,000</b>

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Số: 05/QĐ-UBND

Sơn Lĩnh, ngày 15 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách năm 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**

Căn cứ luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ luật ngân sách nhà nước ban hành ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật ngân sách nhà nước và thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP;

Căn cứ quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho huyện Hương Sơn;

Căn cứ Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 18/12/2024 của hội đồng nhân dân huyện Hương Sơn về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2025

Căn cứ Quyết định số 6309/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Hương Sơn về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho xã Sơn Lĩnh;

Căn cứ vào Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 của Hội đồng nhân dân xã Sơn Lĩnh về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2025;

Xét đề tình hình thực tế của ngân sách địa phương,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt dự toán Thu - chi ngân sách xã Sơn Lĩnh năm 2025 với số liệu như sau:

<b>A. Tổng thu trên địa bàn</b>	<b>290.000.000 đồng</b>
1. Ngân sách cấp trên hưởng	78.000.000 đồng
2. Ngân sách xã hưởng:	212.000.000 đồng
<b>B. Thu ngân sách xã</b>	
<b>Tổng thu ngân sách xã đưa vào cân đối:</b>	<b>7.992.868.000 đồng</b>
1. Các khoản thu xã hưởng 100%	100.000.000 đồng
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	112.000.000 đồng

3. Thu bổ sung ngân sách cấp trên:	7.780.868.000 đồng
<b>Tổng chi ngân sách xã:</b>	<b>7.992.868.000 đồng</b>
1. Chi ĐT phát triển	0 đồng
2. Chi hoạt động thường xuyên	7.836.155.000 đồng
Trong đó tiết kiệm chi 10%	136.586.700 đồng
3. Dự phòng	156.713.000 đồng

*(Có dự toán chi tiết kèm theo)*

**Điều 2:** Căn cứ chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2025, đã được HĐND xã phê duyệt giao cho ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện.

**Điều 3:** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng UBND, ban tài chính xã chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Kho bạc huyện Hương Sơn;
- Lưu VP - UBND xã.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Thanh Sang**

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2025 của UBND xã)

Đơn vị tính : Đồng

TT	Nội dung	THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN	THU NGÂN SÁCH XÃ HƯỞNG	GHI CHÚ
	<b>Tổng thu ngân sách</b>	<b>8.070.868.000</b>	<b>7.992.868.000</b>	
<b>I</b>	<b>Các khoản thu tại xã</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>	
1	Phí lệ phí	15.000.000	15.000.000	
2	Thu từ quỹ đất công ích hoa lợi	50.000.000	50.000.000	
3	Thu khác	35.000.000	35.000.000	
<b>II</b>	<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ %</b>	<b>190.000.000</b>	<b>112.000.000</b>	
1	Thuế VAT - TNDN	75.000.000	37.500.000	
	<i>Doanh nghiệp HTX</i>	<i>30.000.000</i>	<i>6.000.000</i>	
	<i>Hộ cá thể</i>	<i>45.000.000</i>	<i>31.500.000</i>	
2	Lệ phí trước bạ nhà đất	80.000.000	64.000.000	
3	Thu cấp quyền sử dụng đất		-	
4	Thu tiền thuê mặt bằng	35.000.000	10.500.000	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		-	
<b>III</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>7.780.868.000</b>	<b>7.780.868.000</b>	
1	Trợ cấp cân đối từ ngân sách cấp trên	7.780.868.000	7.780.868.000	
2	Trợ cấp mục tiêu			

Sơn Lĩnh, ngày 15 tháng 01 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

Kế toán trưởng

Phan Tiến Dũng



Phạm Thanh Sang

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ SƠN LĨNH

Phụ lục 04  
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2025 của UBND xã)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Tổng	10% Tiết kiệm	DT thực hiện
	<b>Tổng chi</b>	<b>7.992.868.000</b>	<b>0</b>	<b>7.992.868.000</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản			
2	Đầu tư phát triển khác			
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>7.836.155.000</b>		<b>7.836.155.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi an ninh - Quốc phòng</b>	<b>368.192.000</b>	<b>0</b>	<b>368.192.000</b>
<b>1.1</b>	<b>Chi Quốc phòng</b>	<b>308.192.000</b>	<b>0</b>	<b>308.192.000</b>
-	Quốc phòng	55.000.000		55.000.000
-	Dân quân tự vệ (Bao gồm kinh phí huấn luyện, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp đặc thù)	253.192.000		253.192.000
<b>1.2</b>	<b>Chi An ninh</b>	<b>60.000.000</b>	<b>0</b>	<b>60.000.000</b>
-	Chi hoạt động	60.000.000		60.000.000
<b>2</b>	<b>Sự nghiệp VH + Khu dân cư, TDTT</b>	<b>188.000.000</b>	<b>0</b>	<b>188.000.000</b>
-	Khu dân cư theo TT 121	35.000.000		35.000.000
-	Hoạt động truyền thanh	30.000.000		30.000.000
-	Văn hoá thông tin	73.000.000		73.000.000
-	Thể dục thể thao	30.000.000		30.000.000
-	KP toàn dân Xây dựng NTM	20.000.000		20.000.000
<b>3</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>269.570.000</b>	<b>0</b>	<b>269.570.000</b>
-	Sự nghiệp giao thông	50.000.000		50.000.000
-	Sự nghiệp thủy lợi dịch vụ	50.000.000		50.000.000
-	Sự nghiệp khác ( Nông thôn mới)	169.570.000		169.570.000
<b>4</b>	<b>Sự nghiệp môi trường</b>	<b>70.000.000</b>		<b>70.000.000</b>
<b>5</b>	<b>Đảm bảo xã hội</b>	<b>191.607.000</b>	<b>0</b>	<b>191.607.000</b>
-	Hưu xã	108.991.000		108.991.000
-	Mùng thọ	15.000.000		15.000.000

-	Phân công người giúp đỡ			0
-	Khác	67.616.000		67.616.000
<b>6</b>	<b>Quản lý nhà nước, Đảng đoàn thể</b>	<b>6.636.838.000</b>	<b>0</b>	<b>6.636.838.000</b>
<b>6.1</b>	<b>Ủy ban nhân dân</b>	<b>4.038.208.100</b>	<b>0</b>	<b>4.038.208.100</b>
-	Tiền lương và các khoản phụ cấp cán bộ UB	1.591.780.000		1.591.780.000
-	Chi nộp BHXH, BHYT, KPCĐ	191.372.000		191.372.000
-	Phụ cấp công nghệ thông tin	2.808.000		2.808.000
-	Phụ cấp kế toán	2.808.000		2.808.000
-	Phụ cấp trực một cửa	25.900.000		25.900.000
-	Phụ cấp tiếp công dân	7.200.000		7.200.000
-	Phụ cấp đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính	7.200.000		7.200.000
-	Chi PC CB KCT xã	109.512.000		109.512.000
-	Phụ cấp thôn trưởng	353.808.000		353.808.000
-	PC các nhóm nhiệm vụ thôn	472.000.000		472.000.000
-	PC cán bộ hợp đồng	38.400.000		38.400.000
	Tiền lương và các khoản PC của Quân sự	132.818.400		132.818.400
	Chi nộp BHXH, BHYT, KPCĐ	21.860.000		21.860.000
	Phụ cấp cán bộ BCT	39.312.000		39.312.000
	Phụ cấp thôn đội trưởng	98.280.000		98.280.000
-	Chi hoạt động	388.955.700		388.955.700
-	Chi phụ cấp tổ ANTT	294.840.000		294.840.000
-	Chi hoạt động của ban thanh tra nhân dân	5.000.000		5.000.000
-	Chi hoạt động tổ hòa giải cơ sở	18.400.000		18.400.000
-	Chi hoạt động tổ giám sát cộng đồng	10.000.000		10.000.000
-	Phụ cấp kiêm nhiệm thủ quỹ	2.808.000		2.808.000
-	Phụ cấp y tế thôn	58.968.000		58.968.000
-	Quỹ khen thưởng	159.178.000		159.178.000
-	Chi hoạt động ban vì sự tiến bộ của PN	5.000.000		5.000.000
<b>6.2</b>	<b>Hội đồng nhân dân</b>	<b>378.895.800</b>	<b>0</b>	<b>378.895.800</b>
-	Tiền lương và các khoản PC của cán bộ HĐ	126.360.000		126.360.000
-	Chi nộp BHXH, BHYT, KPCĐ	51.175.800		51.175.800

-	Chi phụ cấp đại biểu HĐND	126.360.000		126.360.000
-	Phụ cấp đại biểu HĐND theo NQ 82	24.000.000		24.000.000
-	Chi hoạt động	25.728.000		25.728.000
-	Chi phụ cấp ban HĐND	25.272.000		25.272.000
<b>6.3</b>	<b>Đảng cộng sản Việt Nam</b>	<b>1.074.465.400</b>	<b>0</b>	<b>1.074.465.400</b>
-	Lương cán bộ Đảng ủy và các khoản phụ cấp	290.066.400		290.066.400
-	Chi BHXH, BHYT, KPCĐ	48.143.000		48.143.000
-	Phụ cấp BCH Đảng ủy	109.512.000		109.512.000
-	Chi PC ủy viên UB KT Đảng	28.080.000		28.080.000
-	Phụ cấp Bí thư chi bộ	353.808.000		353.808.000
-	Phụ cấp cán bộ BCT	89.856.000		89.856.000
-	Chi hoạt động	85.000.000		85.000.000
-	Chi đại hội Đảng	70.000.000		70.000.000
<b>6.4</b>	<b>Mặt trận tổ quốc Việt Nam</b>	<b>423.655.600</b>		<b>423.655.600</b>
-	Lương cán bộ MT và các khoản phụ cấp	160.056.000		160.056.000
-	Chi BHXH, BHYT, KPCĐ	27.383.600		27.383.600
-	Phụ cấp cán bộ BCT	39.312.000		39.312.000
-	Phụ cấp trưởng BCTMT	176.904.000		176.904.000
-	Chi hoạt động	20.000.000		20.000.000
<b>6.5</b>	<b>Đoàn thanh niên, Hội LHTN, HĐĐ</b>	<b>168.954.200</b>	<b>0</b>	<b>168.954.200</b>
-	Lương cán bộ và các khoản phụ cấp Đoàn	98.560.800		98.560.800
-	Chi BHXH, BHYT, KPCĐ	16.081.400		16.081.400
-	Chi PC CB KCT xã	39.312.000		39.312.000
-	Chi hoạt động	15.000.000		15.000.000
<b>6.6</b>	<b>Hội phụ nữ</b>	<b>160.384.200</b>	<b>0</b>	<b>160.384.200</b>
-	Lương và các khoản PC Hội Phụ nữ	91.540.800		91.540.800
-	Chi BHXH, BHYT, KPCĐ	14.531.400		14.531.400
-	Chi PC CB KCT xã	39.312.000		39.312.000
-	Chi hoạt động	15.000.000		15.000.000
<b>6.7</b>	<b>Hội nông dân</b>	<b>216.791.300</b>	<b>0</b>	<b>216.791.300</b>
-	Lương và các khoản phụ cấp Hội ND	137.872.800		137.872.800

-	Chi BHXH, BHYT, KPCĐ	24.606.500		24.606.500
-	Chi PC CB KCT xã	39.312.000		39.312.000
-	Chi hoạt động	15.000.000		15.000.000
<b>6.8</b>	<b>Hội cựu chiến binh</b>	<b>84.638.400</b>	<b>0</b>	<b>84.638.400</b>
-	Chi lương và các khoản phụ cấp	69.638.400		69.638.400
-	Chi hoạt động	15.000.000		15.000.000
<b>6.9</b>	<b>Hội người cao tuổi</b>	<b>43.745.000</b>	<b>0</b>	<b>43.745.000</b>
-	Chi phụ cấp BCT cho CT hội NCT	35.100.000		35.100.000
-	Chi tổ chức mừng thọ nhân dịp tết ở thôn	3.645.000		3.645.000
-	Chi hoạt động	5.000.000		5.000.000
<b>6.10</b>	<b>Hội chữ thập đỏ + BTXH</b>	<b>39.100.000</b>	<b>0</b>	<b>39.100.000</b>
-	Chi phụ cấp chủ tịch hội CTĐ	35.100.000		35.100.000
-	Chi hoạt động	4.000.000		4.000.000
<b>6.11</b>	<b>Hội khuyến học</b>	<b>5.000.000</b>	<b>0</b>	<b>5.000.000</b>
-	Chi hoạt động	5.000.000		5.000.000
<b>6.12</b>	<b>Chi hỗ trợ Hội Cựu TNXP</b>	<b>3.000.000</b>		<b>3.000.000</b>
<b>7</b>	<b>Chi khác ngân sách</b>	<b>111.948.000</b>		<b>111.948.000</b>
<b>III</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>156.713.000</b>		<b>156.713.000</b>

Sơn Lĩnh, ngày 15 tháng 01 năm 2025


TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Kế toán trưởng



Phan Tiến Dũng



Phạm Thanh Sang